

Bản án số: 100/2021/HSST
Ngày 02-11-2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Sang và bà Nguyễn Thị Thơ.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thuý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 91/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 10 năm đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Xuân S**; Sinh ngày 25/7/1996; Nơi sinh: phường PN, thành phố UB, tỉnh QN; Nơi cư trú: Số nhà 90, tổ 3, khu AH 2, phường PN, thành phố UB, tỉnh QN. Dân tộc: Kinh, Quốc tịch Việt Nam; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ và tên bố: Nguyễn Văn Th, sinh năm 1969 trú tại: Số nhà 90, tổ 3, khu AH 2, phường PN, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh; Họ và tên mẹ: Đinh Thị V (đã chết). Bị cáo sống như vợ chồng với chị Phan Thị Ng, sinh năm 1996, trú tại thôn RP, xã DP, huyện TT, tỉnh Thái Bình. Có 03 con: con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2020; Ngày 10/11/2012, bị công an Thành phố UB, tỉnh QN xử phạt hành chính bằng hình thức “Cảnh cáo” về hành vi “Có cử chỉ lời nói thô bạo, khiêu khích, trêu ghẹo, xúc phạm danh dự nhân phẩm của người khác”; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/7/2021 đến ngày 26/7/2021 chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình - *Có mặt tại phiên tòa*

**** Bị hại***

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1957 – *Có mặt*

Địa chỉ: thôn BT, xã DP, huyện Thái Thụy, Thái Bình

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***

- Chị Phan Thị Ng, sinh năm 1996 – *Có mặt*

Địa chỉ: thôn RP, xã DP, huyện Thái Thụy, Thái Bình

- Bà Trần Thị Gh, sinh năm 1966 – *Có mặt*

Địa chỉ: thôn RP, xã DP, huyện Thái Thụy, Thái Bình

- Chị Đào Thị H, sinh năm 1972 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn KL, xã TQ, huyện TT, Thái Bình;

** Người làm chứng:*

- Anh Bùi Văn V, sinh năm 1978 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn TP, xã TS, huyện TT, Thái Bình;

** Người chứng kiến:* Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1987 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn BT, xã DP, huyện TT, Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 15/7/2021, bị cáo một mình sang nhà ông Nguyễn Văn B ở cùng thôn RP, xã DP để hái trộm quả thanh long. Khi bị cáo hái được 10 quả thanh Long thì phát hiện tại vườn có hai con chó lai màu trắng đốm vàng nên nảy sinh ý định trộm cắp chó. Bị cáo bê hai con chó lai, một con 6,5kg, một con 5,9kg và 10 quả thanh long lên xe đạp điện chở về nhà. Đến sáng ngày 19/7/2021, bị cáo cùng chị Phan Thị Ng (người chung sống như vợ chồng với bị cáo) và mẹ chị Ng là bà Gh mang một con chó 6,5kg bán cho chị Đào Thị H lấy 1.500.000 đồng. Bị cáo tiêu 500.000 đồng, còn 1.000.000 đồng đưa cho chị Ng. Sáng ngày 20/7/2021, bị cáo đến công an đầu thú.

Bản kết luận định giá tài sản số 29/BB-ĐG ngày 22/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thái Thụy kết luận: 01 con chó lai nhật, lông màu trắng đốm vàng cân nặng 6,5kg trị giá 1,600.000 đồng; 01 con chó lai nhật lông màu trắng đốm vàng, cân nặng 5,9kg trị giá 1.400.000 đồng; 10 quả thanh long chín màu đỏ, tổng trọng lượng 3kg trị giá 75.000 đồng. Tổng giá trị tài sản tại thời điểm xâm hại là 3.075.000 đồng

Cáo trạng số 92/CT-VKSTT, ngày 04/10/2021; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân S tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h,i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự, đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân S phạm tội “Trộm

cấp tài sản”; đề nghị xử phạt bị cáo từ 6 tháng đến 9 tháng tù giam, không đề nghị hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Ngọc không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra việc giải quyết về bồi thường; Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến gì về tội danh, điều luật, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng. Nói lời sau cùng, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật phạm vào tội trộm cắp tài sản, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự đã lợi dụng sở hữ trong quản lý tài sản của bị hại để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với lời khai của người làm chứng và còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Bản kết luận định giá tài sản số 29/BB-ĐG ngày 22/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, biên bản khám nghiệm hiện trường, xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, với tổng trị giá tài sản trộm cắp là 3.075.000 đồng, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

- a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;
- b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;
- c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;
- d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;
- đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Có tính chất chuyên nghiệp;
- c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;
- d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;
- đ) Hành hung để tẩu thoát;
- e) Tài sản là bảo vật quốc gia;
- g) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;
- b) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

- a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;
- b) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[4] Bị cáo là người trưởng thành, có sức khỏe nhưng không chịu khó lao động để tạo thu nhập hợp pháp; để có tiền bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tuy tài sản trộm cắp không lớn nhưng đã gây bức xúc trong quần chúng nhân dân nên cần áp dụng Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự xử phạt hình phạt tù giam với mức hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo. Bị cáo nhất thời phạm tội, thu nhập chỉ đủ cho sinh hoạt tối thiểu nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra, truy tố đã thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; gia đình đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, đầu thú về hành vi

phạm tội và tại phiên tòa được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại 02 con chó, không yêu cầu bị cáo bồi thường 10 quả thanh long nên không đặt ra việc giải quyết về bồi thường cho bị hại; chị Ng đã trả cho chị H 1.500.000 đồng để chuộc chó trả cho bị hại, chị Ng không yêu cầu bị cáo trả 1500.000 đồng nên không đặt ra việc giải quyết.

[5] Chiếc xe đạp điện của bà Gh bị cáo sử dụng nhưng bà Gh không biết việc bị cáo đã sử dụng xe để đi trộm cắp nên cơ quan Công an không xử lý đối với bà Gh là đúng quy định;

[6]. Trong vụ án chị Phan Thị Ng là người được bị cáo cho số tiền 1.000.000 và giữ nuôi con chó do bị cáo trộm cắp mà có; chị Ngọc và bà Gh là người cùng bị cáo đi bán chó cho chị H nhưng chị Ngọc, bà Gh, chị H không biết chó là do bị cáo trộm cắp mà có nên không xử lý đối với chị Ng và bà Gh, chị H là đúng pháp luật.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Mục I danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân S phạm tội "*Trộm cắp tài sản*";

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân S 6 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam, giữ là ngày 20/7/2021

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo hoàn trả tiền đã bỏ ra chuộc tài sản nên không đặt ra việc giải quyết về trách nhiệm dân sự;

5. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu

thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 9 Luật thi hành án dân sự; điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TT;
- Tòa án tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam Thái Bình;
- Công an TT;
- Chi cục THADS TT;
- UBND phường PB, TP UB; QN
- Lưu HCTP;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Lan

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Thái Thụy;
- Trại tạm giam Thái Bình;
- Công an Thái Thụy;
- Chi cục THADS Thái Thụy;
- Tòa án tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã Dương Phúc
- Lưu HCTP;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Lan